

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 264/2024/HC-PT

Ngày: 02/5/2024

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn;

Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Phạm Ngọc Vỹ, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 784/2023/TLPT-HC ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 182/2023/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4008/2023/QĐHC-PT ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lưu Đình K, sinh năm 1975; địa chỉ: phường L, quận L, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Quý L, sinh năm 1980 - Giám đốc Công ty L3; địa chỉ: phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: phố V, phường V, quận L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh H - Chủ tịch UBND quận L; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Xuân T - Phó chủ tịch UBND quận L; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch UBND quận L.

Địa chỉ: phố V, phường V, quận L, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Xuân T - Phó chủ tịch UBND quận L; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. UBND phường L, quận L, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: đường B, phường L, quận L, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn N - Chủ tịch UBND phường L; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1979; trú tại: phường L, quận L, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Dự án hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, Thành phố Hà Nội là Dự án xây dựng vườn hoa, cây xanh; trường trung học cơ sở, trường mầm non và xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương (giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước...) (sau đây viết tắt là Dự án) đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội chấp thuận tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 05/7/2018, Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 04/12/2018, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 04/12/2019, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; nằm trong kế hoạch sử dụng đất quận L đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 3957/QĐ-UBND ngày 01/8/2018, Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 07/3/2019, Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 và Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 12/3/2021.

Ngày 13/10/2017, Hội đồng nhân dân quận L đã phê duyệt chủ trương đầu tư theo Văn bản số 16/HĐND-TCKH đối với Dự án. Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 đối với dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, Hà Nội do Công ty cổ phần Đ lập, đã được UBND quận L chấp thuận ngày 26/10/2017 và phù hợp với quy hoạch phân khu

N10, tỉ lệ 1/2000 đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 6115/QĐ-UBND ngày 21/11/2014.

Ngày 31/10/2017, UBND quận L ban hành Quyết định số 5473/QĐ-UBND phê duyệt Dự án.

Ngày 01/02/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội ban hành Văn bản số 913/STNMT-CCQLĐĐ về việc hướng dẫn UBND quận L xác định mốc giới thực hiện Dự án.

Kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 19/3/2020 của tổ công tác giải phóng mặt bằng phường L cho thấy toàn bộ phần diện tích 114,1m² hộ gia đình ông Lưu Đình K đang sử dụng nằm trong ranh giới dự án trên.

Ngày 31/5/2021, UBND quận L ban hành Quyết định số 2474/QĐ-UBND về việc thu hồi 114,1m² đất do hộ ông K đang sử dụng tại phường L, quận L để thực hiện Dự án.

Ngày 31/5/2021, UBND quận L ban hành Quyết định số 2493/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông K trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án, cụ thể:

Bồi thường về đất: Bồi thường theo giá đất nông nghiệp 252.000 đồng/m² theo quy định tại Bảng số 1 ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội. Số tiền bồi thường 252.000 đồng/m² x 114,1m² = 28.753.200 đồng.

Bồi thường về tài sản trên đất: Rau muống chuyên canh đơn giá 18.000 đồng/m² theo quy định tại Thông báo số 8545/STC-BG ngày 29/12/2020 của Sở Tài chính. Số tiền được bồi thường 18.000 đồng/m² x 114,1m² = 2.053.800 đồng.

Các khoản hỗ trợ khác: Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 252.000 đồng/m² x 114,1m² x 5 lần = 143.766.000 đồng. Về thưởng tiến độ: 3.000 đồng/m² x 114,1m² = 342.300 đồng.

Gia đình ông K không tự nguyện bàn giao mặt bằng. Ngày 16/9/2021, Chủ tịch UBND quận L ban hành Quyết định số 5412/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông K.

Ngày 11/6/2021, ông Lưu Đình K khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy các quyết định hành chính gồm:

Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L thu hồi 114,1m² đất do hộ gia đình ông (bà) Lưu Đình K đang sử dụng tại phường L, quận L để thực hiện Dự án.

Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 31/05/2021 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Lưu Đình K trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án.

Theo người khởi kiện:

Thứ nhất: Việc thu hồi đất cho Dự án này không có căn cứ, quy trình thực hiện thu hồi không đúng trình tự thủ tục, vi phạm nghiêm trọng các quy định luật đất đai. Quyết định số 5473/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND quận L v/v phê duyệt Dự án. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Giải phóng mặt bằng, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật để quản lý theo quy hoạch nhằm khai thác có hiệu quả các khu đất phù hợp với quy hoạch được duyệt, thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng, tạo cảnh quan, vệ sinh môi trường phục vụ công tác phát triển kinh tế xã hội của quận L. Như vậy, quận L thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để tạo mặt bằng sạch, sau đó mới lập Dự án bán đất, đẩy toàn bộ những hộ dân đang có nhà ở ổn định từ năm 1987 đến nay đến chỗ không có nhà ở lấy đất làm cây xanh, bãi đỗ xe, phục vụ cho ai?

Theo Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành thì thẩm quyền, trình tự thủ tục phê duyệt dự án được quy định ở cấp huyện do Hội đồng nhân dân cấp huyện chấp thuận đầu tư. Tuy nhiên, tại Văn bản số 218/HĐND TCKH ngày 13/10/2017 của Hội đồng nhân dân quận L về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án, thì Dự án này do Thường trực Hội đồng nhân dân quận L phê duyệt là trái thẩm quyền. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội chưa có quyết nghị riêng về việc chấp thuận Dự án và UBND thành phố Hà Nội cũng chưa có quyết định thu hồi đất tổng thể, thành phố chưa có quyết định chấp thuận thực hiện các Dự án này thì UBND quận L đã ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường để lấy đất của người dân đang ở không đền bù theo đúng quy định là vi phạm nghiêm trọng pháp luật đất đai.

Thứ hai: Việc thu hồi đất không đảm bảo tính công khai minh bạch dân chủ, công bằng theo các nguyên tắc pháp luật quy định. Theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 4; Điều 20, Điều 21 Luật quy hoạch 2009 và Điều 35 Luật Đất đai năm 2013 quy định khi lập quy hoạch và triển khai dự án phải lấy ý kiến khu dân cư để làm rõ tính cấp thiết của Dự án, sự đồng thuận của nhân dân đối với Dự án.

Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường này hộ ông K không chấp nhận vì chưa thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định, chưa

tiến hành các bước công khai công bố Dự án, các chính sách về bồi thường, hỗ trợ, chưa kiểm đếm và đặc biệt là vi phạm nguyên tắc công khai dân chủ, không công bằng. Hộ ông K chưa được thực hiện các quyền của người sử dụng đất về kê khai, kiểm đếm, xác định nguồn gốc đất, tài sản trên đất nên bị thiệt hại nặng nề.

Thứ ba: Nội dung trong quyết định thu hồi và quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với hộ ông K là trái pháp luật; trong quyết định đã xác định thu hồi 114,1m² đất nông nghiệp khoán 10 là không có căn cứ. Bởi vì diện tích đất thực tế hộ ông K đang sử dụng từ lâu, đã chuyển đổi sử dụng mục đích phi nông nghiệp. Nguồn gốc được cấp đất giãn dân từ những năm 1987, cho những gia đình đông con, cùng gia đình chính sách để ở (đã có xác nhận bằng văn bản của nguyên Bí thư, chủ tịch xã L thời điểm chia đất năm 1987). Sau khi được chia đất gia đình đã xây dựng để ở ổn định, không tranh chấp, không bị xử phạt vi phạm hành chính. Hiện nay khu dân cư đã được thành lập tổ dân phố, có đầy đủ bộ máy hành chính cấp thôn, có nhà văn hoá, có số nhà. Nhà đất của hộ ông K đã được sử dụng vào mục đích để ở ổn định, được kê khai đăng ký vào hồ sơ địa chính của phường L, đóng thuế đất phi nông nghiệp (thuế đất ở) hàng chục năm nay.

Tuy nhiên, trong Quyết định phê duyệt phương án bồi thường thì quận L chỉ áp mức giá bồi thường theo giá đất nông nghiệp 252.000 đồng/m² là không đúng quy định tại Điều 23 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội; tự ý cắt xén diện tích đất và các quyền lợi hợp pháp khác của hộ ông K là cố ý làm trái quy định tại Điều 15, Điều 21, Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội gồm hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại.

Các giấy tờ về quyền sử dụng đất của hộ ông K là đúng với các hồ sơ như: Bản đồ địa chính (bản đồ thổ cư), danh sách các hộ được cấp đất giãn dân, văn bản xác nhận của nguyên lãnh đạo UBND xã L. Thực tế, hiện nay UBND quận L không thu thập hồ sơ tài liệu, không thực hiện việc xác định loại đất, xác định nguồn gốc đất đúng theo hiện trạng và quy định luật đất đai tại Điều 3 Nghị định số 43/NĐ-CP; do vậy, đã áp dụng bồi thường đối với đất đai trái quy định pháp luật đất đai gây thiệt hại cho gia đình ông K.

Khi thực hiện Dự án này UBND quận L đã làm trái quy trình thủ tục khi không có văn bản xác định nguồn gốc đất, tự ý xác định loại đất không đúng với hiện trạng sử dụng trái với Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 3 khoản 3 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

Theo UBND quận L và Chủ tịch UBND quận L trình bày:

UBND quận L đã ban hành Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 thu hồi đất và Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông K trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai; đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 69 Luật Đất đai. UBND quận L không đồng ý hủy Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L về việc thu hồi đất, Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Khi hộ ông K phối hợp xác định được tỷ lệ đất nông nghiệp hộ ông K đang sử dụng bị thu hồi, UBND quận L sẽ phê duyệt bổ sung khoản tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ ông K. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND phường L:

Thửa đất của gia đình ông Lưu Đình K có nguồn gốc là đất nông nghiệp được giao thời điểm năm 1987 (giao theo khoản 10) và được điều chỉnh, rà soát lại năm 1997-1999 (danh sách giao mang tên ông Lưu Văn Q (bố ông K) thuộc đội sản xuất số 03, thôn N, xã L); tại thời điểm giao đất ông K là thành viên được giao đất trong hộ gia đình cụ Lưu Văn Q. Khi thực hiện giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/NĐ-CP tại thôn N, xã L (nay là phường L) không thực hiện việc rũ rời để chia lại đất, không chia lại đất theo Nghị định số 64/NĐ-CP. Trong quá trình sử dụng, cụ Q chia tách trả một phần diện tích đất nông nghiệp được giao cho các con (không có giấy tờ). Hiện trạng hộ ông K sử dụng ổn định, không tranh chấp.

Về công tác niêm yết công khai và bàn giao: UBND phường đã thực hiện công tác niêm yết công khai Quyết định số 2474/QĐ-UBND và Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L thuộc Dự án trên hệ thống đài truyền thanh của phường, tại Bảng tin của phường, Trụ sở các Tổ dân phố liên quan; đã thực hiện tổng đạt các Quyết định nêu trên đến hộ ông K.

Theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị LI: Thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông K.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 182/2023/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 66; Điều 69; Điều 75, Điều 82 Luật đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính

phủ; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Đình K gồm: Hủy Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L về việc thu hồi 114,10m² đất do hộ gia đình ông Lưu Đình K đang sử dụng tại phường L, quận L để thực hiện dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, thành phố Hà Nội; Hủy Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 31/05/2021 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Lưu Đình K trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, thành phố Hà Nội.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 5412/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Chủ tịch UBND quận L về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Lưu Đình K.

3. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/8/2023, người khởi kiện là ông Lưu Đình K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Nguyễn Quý L là người đại diện hợp pháp của người kháng cáo xác định không kháng cáo đối với quyết định đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 5412/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Chủ tịch UBND quận L về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Lưu Đình K. Ông L thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị hủy bản án hành chính sơ thẩm do vi phạm tố tụng và vi phạm nghiêm trọng về đánh giá chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Lưu Đình K; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 15/6/2021, ông Lưu Đình K khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định gồm: Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L về việc thu hồi 114,1m² đất; Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông K; Quyết định số 5412/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Chủ tịch UBND quận L cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông K. Khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 115; Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Tại cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xin rút yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 5412/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Chủ tịch UBND quận L về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông K. Căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 5412/QĐ-UBND là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính hợp pháp Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L về việc thu hồi 114,1m² đất do hộ ông K đang sử dụng tại phường L, quận L để thực hiện Dự án, thấy rằng:

[3.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 2474/QĐ-UBND: Dự án Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật ô đất thuộc ô quy hoạch G.2/THCS, G.2/NT2, G.2/CX, G.2/P2, G.2/P3 phụ cận tuyến đường quy hoạch 40m, phường L, quận L, thành phố Hà Nội là dự án xây dựng vườn hoa, cây xanh; trường THCS, trường mầm non và xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương (giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước...) được xác định Dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 62 Luật đất đai 2013 nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất giao chủ đầu tư thực hiện Dự án. Thẩm quyền thu hồi đất đối với cá nhân, hộ gia đình thuộc UBND cấp quận, huyện. Do đó, UBND quận L ban hành Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 thu hồi đất của hộ ông K là đúng thẩm quyền theo quy định Điều 66 Luật đất đai 2013.

UBND quận L đã có Thông báo thu hồi đất đối với người sử dụng đất; UBND phường L xác nhận nguồn gốc đất. Trong quá trình điều tra, khảo sát, đo đạc, thống kê, kiểm đếm hộ ông K không chấp hành; Chủ tịch UBND quận L

ban hành Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định. Trung tâm phát triển quỹ đất quận L đã lập dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết trình Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Dự án thông qua và UBND phường L tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án. Trên cơ sở kết quả tổng hợp ý kiến và thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ, UBND quận L ban hành Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 về việc thu hồi đất đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 67, Điều 69 Luật đất đai 2013.

[3.2] Xét nội dung của Quyết định số 2474/QĐ-UBND: Về nguồn gốc đất, hồ sơ địa chính thể hiện: Theo Bản đồ đo vẽ năm 1993 thể hiện diện tích đất của gia đình ông K thuộc Xứ đồng C, thuộc thửa đất số 179-2, tờ bản đồ số 9. Nguồn gốc đất là đất nông nghiệp giao khoán năm 1987 (giao theo khoán 10) và được điều chỉnh, rà soát lại năm 1997-1999 cho hộ ông K (trong danh sách giao mang tên ông (bà) Lưu Văn Q thuộc đội sản xuất số 03 thôn N, xã L. Cụ Q là bố ông K); tại thời điểm giao đất ông K là thành viên được giao đất trong hộ cụ Q. Khi thực hiện giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/NĐ-CP thôn N, xã L (nay là phường L) không thực hiện rũ rời để chia lại đất, không chia lại đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/NĐ-CP. Gia đình cụ Q tiếp tục sử dụng ổn định khu đất trên vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ khi được giao.

Quá trình sử dụng đất: Cụ Q tách trả một phần diện tích đất nông nghiệp được giao cho các con là ông Lưu Văn T1, bà Lưu Phương L2, bà Lưu Thanh B, ông Lưu Đình K, ông Lưu Hồng Q1 (không có giấy tờ). Hiện trạng hộ ông K sử dụng ổn định, không tranh chấp vào mục đích đất nông nghiệp. Giấy xác nhận việc sử dụng đất, các tài sản gắn liền với đất ngày 02/3/2021 của UBND phường L đối với người sử dụng đất hộ ông K phù hợp quá trình sử dụng đất của hộ ông K và có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và điểm 3 khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Do đó, ông K cho rằng diện tích đất bị thu hồi là đất giãn dân từ năm 1987 được gia đình sử dụng liên tục ổn định, phù hợp quy hoạch là không có căn cứ để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K đề nghị hủy Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L về việc thu hồi 114,1m² đất do hộ ông K đang sử dụng tại phường L, quận L để thực hiện Dự án là có căn cứ.

[4] Xét tính hợp pháp Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông K.

[4.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 2493/QĐ-UBND: UBND quận L ban hành Quyết định số 2493/QĐ-UBND đảm bảo về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định Điều 67, Điều 69 Luật đất đai 2013.

[4.2] Về căn cứ ban hành Quyết định số 2493/QĐ-UBND:

Bồi thường về đất: Diện tích đất gia đình ông K bị thu hồi được xác định là loại đất nông nghiệp nên được bồi thường theo giá đất nông nghiệp 252.000 đồng/m² quy định tại Bảng số 1 ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội đảm bảo theo Điều 11, Điều 74, Điều 75 Luật đất đai.

Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi: Tại thời điểm thu hồi đất, thửa đất đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp trồng rau muống. UBND quận L bồi thường rau muống chuyên canh đơn giá 18.000 đồng/m² theo quy định tại Thông báo số 8545/STC-BG ngày 29/12/2020 của Sở Tài chính đảm bảo quyền lợi của người dân.

Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Gia đình ông K đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai; khoản 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi bởi khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ) và Điều 22 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội với mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của UBND thành phố đối với toàn bộ diện tích bị thu hồi. UBND quận L đã tính khoản tiền hỗ trợ đào tạo nghề cho hộ ông K đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K đề nghị hủy Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông K là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K đề nghị hủy: Quyết định thu hồi đất số 2474/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 2493/QĐ-UBND của UBND quận L đối với hộ ông K là có cơ sở. Ông K kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lưu Đình K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của ông Lưu Đình K; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 182/2023/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Án phí: Ông Lưu Đình K phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002570 ngày 12/9/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân Hương

Võ Hồng Sơn

Lê Thị Thúy Bình